

Bản án số: 209/2023/HC-PT

Ngày 06 – 4 – 2023
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
thu hồi, bồi thường đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vàng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 15/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2023 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2022/HC-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 160/12 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (theo Giấy ủy quyền ngày 30/5/2022): Ông Lê Văn K, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 132/1 đường 3/2, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, (*có mặt*).

- Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hoàng Vũ Thành – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; địa chỉ: Số 89 đường L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Chuyên viên Phòng Tài nguyên-Môi trường thành phố V, (có mặt);

+ Ông Cao Văn Trình – Chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V, (có mặt);

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố V;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Phong – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố V; địa chỉ: Số 526 đường T, Phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (xin vắng mặt).

2. Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiệt (trước là Trường Trung học cơ sở Phường 5) thành phố V; địa chỉ: Số 184 đường T, Phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Hoàng Thị S và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

1. Bà Hoàng Thị S khởi kiện các quyết định:

+ Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là UBND thành phố V) “Về việc thu hồi 121,5m² đất tại Phường 5, thành phố V do ông (bà) Hoàng Thị S đang sử dụng để đầu tư xây dựng công trình: Trường Trung học cơ sở Phường 5, thành phố V” (gọi là Quyết định số 4832/QĐ-UBND).

+ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 11/6/2010 của UBND thành phố V về việc Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Hoàng Thị S (gọi là Quyết định số 1997/QĐ-UBND).

+ Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 của UBND thành phố V “V/v: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông (bà) Hoàng Thị S, địa chỉ nơi thu hồi đất (gọi là Quyết định số 2631/QĐ-UBND).

+ Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V “Về việc cưỡng chế thu hồi đất” (gọi là Quyết định số 5114/QĐ-UBND).

+ Quyết định số 7736/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V “Về việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện các Quyết định số: 5113/QĐ-UBND; 5114/QĐ-UBND; 5115/QĐ-UBND; 5117/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V” (gọi là Quyết định số 7736/QĐ-UBND).

+ Văn bản số 156/UBND-VP ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân (gọi là Văn bản số 156/UBND-VP).

2. Nguồn gốc nhà đất bà S đang sử dụng:

+ Về nhà: Căn nhà tại 214 (số mới 184) Trần Phú, Phường 5, thành phố V gồm 10 phòng; tổng diện tích sử dụng khoảng 700m² được chủ cũ xây dựng trước năm 1975 mục đích là cho thuê. Sau năm 1975, Nhà nước quản lý tạm giao cho UBND Phường 5; UBND Phường 5 giao cho Trường phổ thông cơ sở (PTCS) Sao Mai (sau này là Trường Hòa Bình) làm trường học. Năm 1988, bà S là giáo viên của Trường Hòa Bình nên được giao 01 (một) phòng khoảng 70m² để ở. Khi giao chỉ có 4 vách tường cũ, không cửa, không công trình phụ, không điện, nước nên bà S phải sửa chữa làm lại gần như toàn bộ.

+ Về đất: Nhà nước không quản lý đất. Theo Văn bản số 10527/UBND-TNMT ngày 24/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu cho biết: “Khu nhà số 184 Trần Phú nằm trên khu đất có diện tích 2.205,9m² thuộc thửa 16 (13 cũ). Tờ bản đồ 25 (07cũ), bản đồ địa chính Phường 5. Theo thông tin tại hồ sơ địa chính: Sổ mục kê và bản đồ địa chính Phường 5 lập ngày 10/6/1993: thửa 13, tờ 01 do bà Quách Thị Hồng kê khai sử dụng diện tích 3.004m² loại đất “T”. ” Sau khi được giao nhà, bà S dọn dẹp phần đất xung quanh, làm công trình phụ, trồng trọt cải thiện đời sống, hằng năm đóng thuế cho Nhà nước. Ngày 10/6/2010 bà S có đơn gửi các cơ quan chức năng xin hóa giá nhà. Đơn được Trường tiểu học Hòa Bình xác nhận. Tiếp đó, Trường trung học Hòa Bình có Văn bản ngày 15/6/2010 (kèm theo Danh sách 10 gia đình được bố trí như trường hợp của bà S) và Văn bản số 10/CVHB ngày 12/07/2010 xác nhận nguồn gốc, việc không còn nhu cầu làm phòng học, bố trí cho các giáo viên, nhân viên vào ở và đề nghị chuyển giao khu nhà về Sở Xây dựng quản lý và cho phép thực hiện thủ tục hóa giá nhà. Sở Xây dựng Tỉnh có Văn bản số 1219/SXD-QLN ngày 06/7/2010 đề nghị UBND Phường 5 cho ý kiến các trường hợp xin hóa giá nhà. UBND Phường 5 có Văn bản số 112/UBND-ĐC ngày 16/7/2010 trả lời có nội dung tương tự nội

dung các văn bản của Trường. Tuy nhiên, do khu vực nhà đất này nằm trong Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 08/7/2005 thu hồi 15.322,5m² để làm Trường học nên Sở Xây dựng không thực hiện thủ tục hóa giá.

Người bảo vệ của người bị kiện cho rằng khu nhà 184 nằm trên diện tích đất 2.005,9m² thuộc thửa 16 (13 cũ) tờ bản đồ 25 (07 cũ) là đất giáo dục do trường đăng ký nhưng không có bất cứ tài liệu nào chứng minh. Như vậy: Nhà bà S đang sử dụng có nguồn gốc là phòng trọ của chủ cũ, Nhà nước quản lý, giao cho Trường PTCS Sao Mai (sau này là Trường Hòa Bình) sử dụng. Do không còn nhu cầu làm phòng học, Nhà trường bố trí cho bà S là giáo viên của Trường làm nhà ở từ năm 1988. Từ đó đến nay Trường và Nhà nước không có bất cứ văn bản nào yêu cầu bà S giao trả. Tại thời điểm năm 1988, việc Trường cho phép vào ở là hợp pháp. Khi bà S có đơn xin hóa giá, Trường và UBND Phường 5 xác nhận các thông tin này là đúng, đề nghị Sở Xây dựng tiếp nhận quản lý nhà, hóa giá cho các hộ.

3. Tính không hợp pháp của các quyết định của Chủ tịch, UBND thành phố Vũng Tàu:

3.1. Quyết định số 4832/QĐ-UBND về việc thu hồi 121,5m² đất do bà Hoàng Thị S sử dụng:

+ Quyết định số 4832/QĐ-UBND thu hồi đất không đúng kích thước, diện tích, vị trí, ranh giới nhà, đất của bà S đang sử dụng:

Theo bản Trích lục bản đồ ngày 07/9/2009 (*gọi tắt là Trích lục bản đồ*) kèm theo Quyết định số 4832/QĐ-UBND thu hồi đất của bà S thì chiều ngang nhà, đất của bà S là 3,8m; chiều dài các cạnh là 31,96m và 32m; diện tích đất là 121,5m².

Theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 09/5/2022 (*gọi tắt là Sơ đồ vị trí*) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ) thành phố Vũng Tàu lập thì hiện trạng nhà đất của bà S như sau: chiều giáp đất ông Quang là 31,91m (từ điểm 1 đến điểm 2) và cạnh giáp đất bà Đinh Thị Hiên cạnh mặt tiền là 4m (từ điểm số 1 đến số 7: 0,91m + 3,09m), chiều ngang cạnh phía sau là 4m (từ điểm 2 đến điểm 4: 0,80m + 3,20m). Chiều dài thửa đất cạnh bà Hiên là 31,92m; diện tích là 127,8m².

Lồng ghép tọa độ tại bản Trích lục bản đồ với Sơ đồ vị trí có sự không trùng khớp. Ranh giới thu hồi nhà, đất của bà S theo bản Trích lục bản đồ **lệch** với ranh giới nhà, đất của bà S theo thực địa, cụ thể: tại điểm 7 trượt sang điểm 6 là 0,95m; điểm 1 trượt sang điểm 8 là 0,75m; điểm 2 trượt sang điểm 3 là 0,80m; điểm 4 trượt sang điểm 5 là 0,60m. Xác định được diện tích thực tế lệch với diện tích theo Trích lục bản đồ là 27,4m² (lô A).

Căn cứ tọa độ tại bản Trích lục bản đồ để thực hiện cắm mốc trên thực địa thì ranh giới thu hồi nhà, đất của bà S chồng lấn lên nhà, đất người khác đang sử dụng (diện tích bị chồng lấn là lô C: 21,1m²).

Văn bản số 2300/CNVPĐK-KTĐC ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Vũng Tàu thì diện tích đất bà S đang sử dụng thực tế là Lô A và Lô B, như vậy diện tích là 27,4m² + 100,4m² = 127,8m²; ranh theo Quyết định 4832 thuộc Lô B và Lô C, diện tích là 100,4m² + 21,1m² = 121,5m².

Như vậy: Quyết định số 4832/QĐ-UBND thu hồi không đúng vị trí, kích thước, diện tích nhà, đất bà S. Diện tích chồng lấn của người khác 21,1m² (lô C). Diện tích nhà, đất thu hồi thiếu 27,4m² (lô A) chưa phê duyệt hỗ trợ bồi thường cho bà.

+ Quyết định số 4832/QĐ-UBND sai thể thức văn bản, không đúng thẩm quyền:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng, căn cứ Luật Đất đai năm 2003 thì thẩm quyền thu hồi đất là UBND, nhưng Luật Tổ chức Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân năm 2003 tại Điều 126, Điều 127 quy định thẩm quyền thuộc Chủ tịch, và theo Văn bản số 300/BTP-PLHSHC ngày 25/8/2009 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền thì Quyết định số 4832/QĐ-UBND đúng thẩm quyền. Nhận định này không có căn cứ, vì:

Văn bản số 300/BTP-PLHSHC ngày 25/8/2009 không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên không thể áp dụng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 5, Điều 10 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư thì Quyết định số 4832/QĐ-UBND là quyết định cá biệt của UBND nên thể thức của quyết định này phải là thể thức văn bản của UBND. Tuy nhiên, Quyết định số 4832/QĐ-UBND được ban hành theo thể thức văn bản của cá nhân Chủ tịch. Quyết định này không đúng quy định thể thức văn bản hành chính. Đối chiếu với các quy định này thì Quyết định 4832/QĐ-UBND ban hành theo thể thức cá nhân Chủ tịch là sai quy định.

Luật Đất đai 2003 quy định: “Điều 3. Áp dụng pháp luật “1. Việc quản lý và sử dụng đất đai phải tuân theo quy định của Luật này. Trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan”.

Điều 44. Thẩm quyền thu hồi đất: “2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, ...”.

Nội dung Quyết định 4832/QĐ-UBND ghi:

“Điều 1: Nay thu hồi 121,5m² đất ...và giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố V” là vi phạm Điều 37 Luật Đất đai 2003.

Tại Quyết định số 2309/QĐ-UBND giao trách nhiệm cho UBND thành phố Vũng Tàu ban hành quyết định thu hồi đất của từng hộ, nhưng cá nhân (Chủ tịch) thu hồi đất, đồng thời giao đất cho tổ chức là trái pháp luật.

Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định *“không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi chung của UBND cấp tỉnh”* UBND thành phố V phải ban hành quyết định của từng hộ, nhưng đến ngày 16/9/2009 Chủ tịch UBND thành phố V mới có Quyết định 4832/QĐ-UBND chậm 1520 ngày là vi phạm về thời hạn ban hành quyết định.

Ngày 25/10/2013, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Thông báo số 269/TB-UBND Kết luận về giải quyết đơn khiếu nại (*gọi là Thông báo số 269/TB-UBND*) tại Điểm 5, trang 2 giao Sở Tư pháp phối hợp với Thanh tra Tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND Tỉnh chấn chỉnh về hình thức văn bản khi ban hành quyết định trong lĩnh vực đất đai. Sau đó, các quyết định trong lĩnh vực đất đai được ban hành theo đúng của pháp luật về đất đai.

4. Thu hồi đất làm Dự án không đúng vị trí quy hoạch xây dựng, vi phạm Điều 10 Luật Xây dựng 2003:

Theo Quy hoạch chi tiết Núi Lớn Núi Nhỏ được UBND tỉnh duyệt tại Quyết định số 3371-1999/QĐ-UB ngày 23/6/1999 thì Vị trí *quy hoạch làm trường học tại vị trí số 61*, trên thực địa tọa lạc tại khu vực số 544 Trần Phú, nằm gần UBND Phường 5. Vị trí này phù hợp với điều kiện dân cư, địa lý, xã hội và Bản tổng hợp nguyện vọng của nhân dân Phường 5.

Còn nhà đất bà S sử dụng thuộc **Vị trí số 47 là Quy hoạch Khu du lịch bãi Dâu mở rộng**. Việc xây dựng không đúng vị trí quy hoạch là vi phạm các quy định pháp luật và quy định của UBND Tỉnh tại Quyết định số 3371-1999/QĐ-UB ngày 23/6/1999, Quyết định số 14030/2004/QĐ-UB ngày 16/12/2004 *“Về việc ban hành Quy định Quản lý xây dựng tại Núi Lớn – Núi Nhỏ thành phố V”*. Liên quan đến việc xây dựng Trường này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Tỉnh, UBND Tỉnh đã có kết luận. Cụ thể:

Tại phần III mục 1 điểm a trang 6 Báo cáo số 99/STNMT-TTTr ngày 16/01/2012 Sở Tài nguyên và Môi trường thể hiện: *“Theo trình bày của đại diện Sở Xây dựng: “Đối chiếu bản đồ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Núi Lớn-Núi Nhỏ thành phố Vũng Tàu đã được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số*

3371-1999/QĐ-UB ngày 23/6/1999 thì vị trí đất của bà Phiệt bị thu hồi tại Quyết định 2309/QĐ-UDND ngày 08/7/2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh và Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 20/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu thuộc vị trí 47 thuộc quy hoạch khu Bãi Dâu mở rộng (còn khu trường học mở rộng nằm ở vị trí khác tại vị trí số 61)”.....”.

Sau đó ngày 23/9/2013 Thanh tra Tỉnh có Báo cáo số 1521/TTr-NV4 kết luận những sai phạm của Dự án Trường Trung học Phường 5, Tp.Vũng Tàu.

Ngày 25/10/2013 Chủ tịch UBND Tỉnh có Thông báo 269/TB-UBND Kết luận về giải quyết đơn khiếu nại đồng ý với Báo cáo số 1521/TTr-NV4 ngày 23/9/2013 của Thanh tra Tỉnh. Nội dung kết luận: Thu hồi đất không đúng vị trí quy hoạch xây dựng, diện tích thu hồi lớn hơn diện tích quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, số liệu không thống nhất, vi phạm về trình tự thủ tục, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, cưỡng chế....(phần II mục 2 điểm 2 trang 6; phần IV mục 1).

Quy hoạch này được công khai tại trụ sở UBND các phường. Tất cả tổ chức, cá nhân đều biết, thực hiện. Phòng QLĐT căn cứ Quy hoạch này để cấp chứng chỉ quy hoạch, giấy phép xây dựng. Rất nhiều văn bản của UBND Tp.Vũng Tàu khẳng định có Quy hoạch chi tiết Núi Lớn núi Nhỏ được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3371-1999/QĐ-UBND ngày 23/6/1999. Trường hợp không có quy hoạch này UBND Tp.Vũng Tàu thực hiện Dự án Trường THCS Phường 5 tại vị trí không có quy hoạch, là vi phạm pháp luật.

Tại Văn bản số 1226/UBND-TNMT ngày 18/5/2012 Chủ tịch UBND Tp.Vũng Tàu trả lời “Căn cứ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Núi Lớn-Núi Nhỏ thành phố Vũng Tàu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3371-1999/QĐ-UBND ngày 23/6/1999 thì khu vực đang triển khai đầu tư xây dựng Trường Trung học Cơ sở Phường 5 - thành phố Vũng Tàu có một phần thuộc khu du lịch Bãi Dâu (mở rộng)”.

Ngày 0/9/2008 Phòng Quản lý Đô thị Tp.Vũng Tàu có văn bản số 359/QLĐTKT-QH trả lời đơn xin cấp chứng chỉ quy hoạch cũng “Căn cứ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Núi Lớn-Núi Nhỏ thành phố Vũng Tàu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3371-1999/QĐ-UBND ngày 23/6/1999...” để cấp chứng chỉ cho bà Lê Như Ngọc.

Ngày 04/12/2007 UBND Phường 5 có Bảng tổng hợp ý kiến nhân dân nêu dời vị trí xây dựng Trường về đúng vị trí quy hoạch xây dựng Trường, (Vị trí số 61, tại số 544 đường Trần Phú).

Như vậy Dự án Trường THCS Phường 5 xây dựng sai vị trí quy hoạch xây dựng được duyệt, không phù hợp với điều kiện dân cư, địa lý, kinh tế xã hội, trái với nguyện vọng người dân.

+ *Về mục đích thu hồi đất:*

Ban đầu thu hồi đất là để xây dựng Trường học. Nay cho thuê toàn bộ thì mục đích thu hồi đất không phải để làm trường, không phải là công trình công cộng: Theo bản vẽ thiết kế mặt bằng thì thu hồi đất của bà S để làm đường đi cho trường. Trước đây diện tích nhà, đất của bà S dự kiến hoán đổi cho bà Phiệt, như vậy không nhất thiết phải thu hồi diện tích này để làm đường đi cho trường. Cho đến thời điểm xét xử, trên phần diện tích đất đã thu hồi, trường đã xây dựng xong, có đường đi lên, xuống ở hai bên và đưa vào sử dụng từ năm 2013, lấy tên là Trường Võ Văn Kiệt. Phần nhà đất bà S đang sử dụng nằm ngoài hàng rào của trường. Theo Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND Tỉnh thì Trường THCS Võ Văn Kiệt thuộc Danh mục đầu giá tài sản công. Báo Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 02/6/2020 tại trang 10 đăng cho thuê toàn bộ tài sản.

Như vậy việc xây dựng Trường không đúng vị trí quy hoạch ban đầu, nếu tiếp tục thực hiện Quyết định 4832 thì không phải thu hồi đất làm trường, không phải mục đích công cộng.

Thu hồi đất của bà S không căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên thu hồi đất là trái pháp luật:

Trang 3 Văn bản số 99/STNMT-TTr ngày 16/01/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường, trang 6 Báo cáo số 1521/TTr-NV4 ngày 23/9/2013 của Thanh tra Tỉnh thể hiện: *Ngày 26/9/2008 UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 3377/QĐ-UBND về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết thời kỳ 2006-2010 Phường 5, Tp.Vũng Tàu, tại Bảng 51 Danh mục các công trình xây dựng đến năm 2010 có trình mở rộng công trình trường THCS Bãi Dâu (STT 07 loại đất DGD diện tích 1ha triển khai năm 2008)(Điểm 1 Mục IV trang 15).*

Theo Báo cáo số 1521/TTr-NV4 ngày 23/9/2013 của Thanh tra Tỉnh kết luận: Việc xây dựng trường không đúng quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tuy nhiên do Trường đã thi công một phần nên để tránh lãng phí, Thanh tra Tỉnh kiến nghị điều chỉnh giảm diện tích thu hồi là 1ha theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt vào năm 2008. Tại Văn bản số 269/TB-UBND ngày 25/10/2013 Chủ tịch UBND Tỉnh đồng ý với kết quả xác minh và kiến nghị của Thanh tra Tỉnh.

Quyết định số 2309/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi là 15.322,5m² vượt 5.322,5m². Chủ tịch UBND Tỉnh chỉ đạo các cơ quan tham mưu đề xuất điều chỉnh giảm diện tích thu hồi còn 1ha là diện tích Trường đã xây dựng.

Tại Bảng quy hoạch cơ cấu sử dụng đất (trang 4) của Quyết định 2283/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của UBND Tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Núi Lớn-Núi Nhỏ, đất trường học tại Bãi Dâu diện tích 1,4ha. Diện tích đất thu hồi vượt 1.322,5m² so với diện tích trong Bảng quy hoạch cơ cấu sử dụng đất được phê duyệt. Tại văn bản số 242/BC-QLĐT ngày 27/3/2014 của Phòng Quản lý Đô thị Thành phố và văn bản số 208/BC-QLĐT ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố cho thấy diện tích thu hồi lớn hơn diện tích quy hoạch được duyệt.

Việc thu hồi đất của bà S không căn cứ vào quy hoạch kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt là vi phạm khoản 1 Điều 39 Luật Đất đai 2003, khoản 3 điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

5. Quyết định 1997/QĐ-UBND ngày 11/6/2010 của UBND thành phố V V/v phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ bà Hoàng Thị S:

+ *Về hình thức*: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP thì thẩm quyền phê duyệt kinh phí bồi thường là của UBND. Quyết định số 1997/QĐ-UBND ban hành theo thể thức thẩm quyền của cá nhân Chủ tịch là vi phạm về thể thức, thẩm quyền.

+ *Về nội dung*: Căn cứ để ban hành Quyết định 1997/QĐ-UBND bồi thường cho bà S là Quyết định 4832/QĐ-UBND. Tuy nhiên Quyết định 4832/QĐ-UBND không đúng pháp luật, nên Quyết định số 1997/QĐ-UBND phê duyệt hỗ trợ cho bà S sai phần diện tích thu hồi đất thuộc người khác, thiếu phần chưa thu hồi, do đó không hợp pháp.

Tại thời điểm ban hành Quyết định 1997/QĐ-UBND thì Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, quy định *bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước*. Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước gồm có nhà do Sở Xây dựng quản lý cho thuê và nhà do tổ chức tự quản. Nhà do tổ chức tự quản là nhà của Nhà nước nhưng do các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý và giao, phân cho cán bộ nhân viên sử dụng, không phải trả tiền thuê (khu tập thể, nhà tập thể...). Để được bán “hóa giá” đơn vị quản lý phải thực hiện bàn giao cho Sở Xây dựng quản lý. Khu tập thể Trường Hòa Bình thuộc dạng này nên Trường có Văn bản ngày 15/6/2010, Văn bản số 10/CVHB ngày 12/7/2010 đề nghị chuyển giao cho Sở Xây dựng quản lý, hóa giá cho các hộ. Nhà đất bà S đang sử dụng đủ điều kiện để được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị

định số 197/2014/NĐ-CP; Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định tương tự như Điều 21 Nghị định số 197/2014/NĐ-CP, cơ quan chuyên môn của thành phố Vũng Tàu có Văn bản số 4609/BC-TNMT ngày 02/11/2018 đề xuất áp dụng nhưng UBND thành phố Vũng Tàu không bố trí nhà tái định cư cũng không hỗ trợ cho bà S là trái pháp luật, gây thiệt hại cho bà.

6. Quyết định 2631/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 cũng vi phạm về thể thức, thẩm quyền, căn cứ ban hành tương tự Quyết định 1997/QĐ-UBND.

Ngày 14/6/2011 UBND thành phố V ban hành Quyết định 2631/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông (bà) Hoàng Thị S theo đó phê duyệt giao cho bà S 01 lô đất ở mới.

Tuy nhiên, ngày 10/11/2011 Chủ tịch UBND Thành phố lại có Văn bản số 3113/UBND-PTQĐ thông báo chưa có đất. Từ ngày ban hành Quyết định 2631/QĐ-UBND đến nay bà S không được giao quyết định này, không được giao đất. Như vậy, việc ban hành Quyết định 2631/QĐ-UBND rồi sau đó thông báo chưa có đất, không giao quyết định cho bà S chỉ nhằm mục đích có thủ tục bồi thường chứ không thể thực hiện trên thực tế. Tiền sử dụng đất phải nộp tại thời điểm ban hành Quyết định 2631/QĐ-UBND là hơn 200 triệu đồng. Nay các cơ quan giao quyết định cho bà S thì tiền sử dụng đất là hơn 1,2 tỷ đồng chênh lệch hơn 1 tỷ đồng. Khoản chênh lệch 1 tỷ đồng do lỗi của các cơ quan không giao quyết định gây ra thiệt hại nay bà S phải gánh chịu là không đúng.

Văn bản số 3113/UBND-PTQĐ có nội dung: *“Căn cứ Quyết định số 31/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì trường hợp của Bà không đủ điều kiện được tái định cư mà chỉ được xem xét giao đất ở mới. UBND thành phố Vũng Tàu đã đồng ý giao đất ở mới cho Bà theo Quyết định 2631/QĐ-UBND ngày 14/6/2011. Hiện nay, vì chưa có đất để giao nên tạm thời chưa giải tỏa căn nhà 184 Trần Phú”*.

Hồ sơ do người bị kiện cung cấp cho Tòa án thể hiện: Căn cứ để ban hành Quyết định 2631/QĐ-UBND là Quyết định 1997/QĐ-UBND; Như vậy, cơ sở để ban hành Quyết định 2631/QĐ-UBND phê duyệt giao 01 lô đất ở cho bà S là việc thu hồi 121,5m² đất có nhà. Văn bản số 3113/UBND-PTQĐ trả lời chưa có đất chỉ liên quan đến diện tích 121,5m². Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Văn bản số 3113/UBND-PTQĐ liên quan đến giao đất ở mới khi thu hồi 75m² đất là không có cơ sở.

7. Văn bản số 156/UBND-VP ngày 14/01/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu:

Bà S có nhiều đơn kiến nghị, khiếu nại. Ngày 14/01/2016, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu có Văn bản số 156/UBND-VP V/v trả lời đơn khiếu nại của bà S nhưng bà S không nhận được văn bản này. Bà S chỉ biết khi người bị kiện cung cấp cho Tòa án. Nội dung Văn bản thể hiện bác tất cả yêu cầu khiếu nại của bà S. Như vậy là vi phạm trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại.

8. Về thời hiệu khởi kiện: Tại Điều 12 Nghị quyết số: 02/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bà S là người bị tác động trực tiếp bởi các quyết định hành chính, nên thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện kể từ ngày nhận được quyết định. Cho đến nay không có chứng cứ thể hiện đã giao quyết định cho bà S.

9. Về Quyết định số 5114/QĐ-UBND:

Căn cứ để ban hành Quyết định số 5114/QĐ-UBND là Quyết định số 4832/QĐ-UBND, Quyết định số 1997/QĐ-UBND, Quyết định số 2631/QĐ-UBND; nhưng các quyết định này trái pháp luật nên Quyết định số 5114/QĐ-UBND không có căn cứ, trái pháp luật.

Quyết định số 5114/QĐ-UBND cưỡng chế bà S để thực hiện Quyết định số 4832/QĐ-UBND thu hồi đất. Tuy nhiên, Quyết định 4832/QĐ-UBND trái pháp luật. Mặt khác, Quyết định 4832/QĐ-UBND thu hồi đất sai kích thước, diện tích, vị trí, ranh giới, tọa độ nhà, đất nên không thể thực hiện. Việc thực hiện cưỡng chế sẽ gây thiệt hại đến quyền lợi của bà S do bồi thường chưa đúng và sẽ hủy hoại nhà, đất của người liên kề. Việc chưa giao các quyết định liên quan cho bà S nên việc ban hành Quyết định 5114/QĐ-UBND là không có căn cứ, chưa phát sinh nghĩa vụ bàn giao đất. Việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường thực hiện không đúng quy định tại Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày nên Quyết định 5114/QĐ-UBND cũng không có căn cứ, trái pháp luật.

10. Về Quyết định số 7736/QĐ-UBND:

Việc ban hành Quyết định số 7736/QĐ-UBND gia hạn chung 4 quyết định cưỡng chế của 04 hộ là không có cơ sở, bởi mỗi trường hợp có căn cứ cơ sở khác nhau, nên không thể gộp chung.

Cụ thể Quyết định số 5115/QĐ-UBND cưỡng chế hộ ông Bùi Văn Quang không có nội dung về thời hạn cưỡng chế, vi phạm các quy định của pháp luật, nên Bản án số 20/2022/HC-ST ngày 14/03/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tuyên hủy quyết định. Thời gian cưỡng chế theo Quyết định số 5114/QĐ-UBND là 90 ngày kể từ ngày 14/10/2020, như vậy đã hết hiệu lực vào ngày 15/01/2021.

Trước khi Quyết định số 5114/QĐ-UBND hết hạn phải thực hiện gia hạn, thế nhưng quyết định này hết hạn gần 6 tháng, đến ngày 06/7/2021 Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu mới ban hành Quyết định số 7736/QĐ-UBND gia hạn thời gian cưỡng chế tại Quyết định số 5114/QĐ-UBND là không có cơ sở. Thời gian thực hiện cưỡng chế theo Quyết định 7736/QĐ-UBND: *“gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện các Quyết định số 51143/QĐ-UBND ...ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại Phường 5 để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trường THCS Phường 5 thành phố Vũng Tàu đến khi thực hiện hiện xong việc”* tức là “không thời hạn”. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu cho rằng không có quy định về vấn đề này, mà áp dụng theo thực tế. Điều này là không đúng bởi cơ quan Nhà nước chỉ được làm những việc pháp luật quy định. Việc cưỡng chế được pháp luật quy định chặt chẽ về điều kiện, thủ tục, trình tự...không thể tùy tiện, không có căn cứ pháp luật.

Theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì thời gian cưỡng chế là: *“từ ngày.....tháng năm....đến ngày tháng.....năm.....”*. Như vậy, thời gian cưỡng chế được xác định trong giới hạn cụ thể. Quyết định số 5114/QĐ-UBND hết thời gian cưỡng chế phải ban hành quyết định mới thay thế. Đây là quyết định mang tính áp đặt, một chiều, không phải là thỏa thuận dân sự để có thể ban hành quyết định gia hạn với thời gian không giới hạn, mang tính tùy nghi.

Căn cứ để ban hành Quyết định số 5114/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất của bà S là căn cứ vào Quyết định 4832/QĐ-UBND đã thu hồi đất sai kích thước, vị trí, lệch ranh, chồng lấn lên nhà đất của người khác dẫn đến Quyết định số 5114/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất cũng không có cơ sở, không có giá trị và không thể thực hiện. Quyết định số 7736/QĐ-UBND gia hạn Quyết định số 5114/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất của bà S không có căn cứ, trái pháp luật.

Với trình bày trên cho thấy các Quyết định bị kiện trái pháp luật. Để các quy định của pháp luật được thực hiện đúng đắn, đầy đủ, thống nhất; nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị S thì các quyết định, văn bản bị kiện cần phải hủy bỏ.

Vì các lý do trên người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy:

Quyết định số 4832/QĐ-UBND; Quyết định số 1997/QĐ-UBND; Quyết định số 2631/QĐ-UBND; Văn bản số 156/UBND-VP; Quyết định số 5114/QĐ-UBND. Hủy phần gia hạn Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 tại

Điều 1 Quyết định số 7736/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:

Bà Hoàng Thị S sử dụng đất có nguồn gốc thuộc một phần diện tích do UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo ban hành Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 18/8/1988 về việc giao UBND Phường 5 bàn giao căn nhà số 214 đường Trần Phú (nay là số 184 Trần Phú), Phường 5, thành phố V cho Trường phổ thông cơ sở Sao Mai quản lý và sử dụng để làm trường học.

Trong những năm 1990 - 1991 do học sinh ít, nhiều phòng học còn bỏ trống nên Nhà trường đã bố trí cho một số giáo viên ở Miền Bắc vào công tác tại trường có hoàn cảnh khó khăn vào ở.

Đến năm 1997, Trường tiểu học Sao Mai được sáp nhập vào Trường tiểu học Hòa Bình. Từ đó, toàn bộ căn nhà số 184, đường Trần Phú (nhà có 10 phòng) trở thành nhà tập thể, được nhà trường dùng để bố trí cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường không có nhà ở về ở và bảo vệ căn nhà cho đến nay, nhà trường không có văn bản giao phòng ở cụ thể cho giáo viên.

Khu nhà số 184 Trần Phú nằm trên khu đất có diện tích đất 2.205,9m² thuộc thửa 16 (13 cũ), tờ bản đồ 25 (07 cũ), bản đồ địa chính Phường 5.

Ngày 16/9/2009, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4832/QĐ-UBND về việc thu hồi 121,5m² đất tại Phường 5 do bà Hoàng Thị S đang sử dụng để đầu tư, xây dựng công trình Trường Trung học cơ sở Phường 5, thành phố V.

Ngày 11/6/2010, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Hoàng Thị S: diện tích thu hồi 121,5m² đất Nhà nước giao cho Trường tiểu học Sao Mai làm trường học theo khoản 1 khoản 2 Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ (không bồi thường đất), bồi thường hoa màu, cây trái, đồng hồ nước, trợ cấp đối với nhà cấp 4 và hỗ trợ di chuyển.

Mặc dù bà Hoàng Thị S đã được chính quyền các cấp, ban ngành, đoàn thể vận động, giải thích nhưng vẫn không chấp hành nhận tiền hỗ trợ và đồng thuận bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Do đó, ngày 14/10/2020, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 5114/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Hoàng Thị S đang sử dụng diện tích 121,5m² tại số 184 Trần Phú, Phường 5 để thực hiện dự án Trường Trung học cơ sở Phường 5,

thành phố V. Đến thời điểm hiện nay, bà S không cung cấp thêm bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác làm thay đổi bản chất sự việc.

Từ các tài liệu chứng cứ nêu trên, UBND thành phố V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bác đơn khởi kiện của bà S.

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố V không có văn bản ý kiến gì.*

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiệt, Phường 5, thành phố V không có văn bản ý kiến gì.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2022/HC-ST ngày 15/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị S hủy các quyết định và văn bản sau:

+ Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi 121,5m² đất tại Phường 5, thành phố V do ông (bà) Hoàng Thị S đang sử dụng để đầu tư xây dựng công trình: Trường Trung học cơ sở Phường 5, thành phố V.

+ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 11/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V “V/v: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Hoàng Thị S, địa chỉ nơi thu hồi đất: 184 Trần Phú (phòng số 8), Phường 5-thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Trung học cơ sở Phường 5-TPVT”.

+ Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V “V/v: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông (bà) Hoàng Thị S, địa chỉ nơi thu hồi đất: Phường 5-thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Trung học cơ sở Phường 5-TPVT”.

+ Văn bản số 156/UBND-VP ngày 14/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu V/v: trả lời đơn khiếu nại của công dân.

+ Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất.

+ Phần gia hạn Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 tại Điều 1 Quyết định số 7736/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc gia hạn thời gian cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/7/2022, người bị kiện UBND thành phố V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện UBND thành phố V vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S, với các lý do:

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu khởi kiện các Quyết định số 4832/QĐ-UBND, Quyết định số 1997/QĐ-UBND, Quyết định số 2631/QĐ-UBND vẫn còn là không đúng quy định pháp luật.

Về nguồn gốc nhà và đất bà Hoàng Thị S đang sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, là của tư nhân xây dựng làm phòng trọ trước năm 1975 nhưng không có chứng cứ chứng minh nên vô lý và không có cơ sở.

Theo nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm thì các Quyết định số 2309/QĐ-UBND và Quyết định số 4832/QĐ-UBND không được công bố công khai và giao cho các đối tượng bị thu hồi đất được biết là không phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Hộ bà Hoàng Thị S sử dụng diện tích đất vào mục đích để ở là không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/2000 Núi lớn, Núi nhỏ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3371/QĐ-UBND và cũng không phù hợp với ý chí, mục đích ban đầu của UBND Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo giao cho UBND Phường 5 quản lý và sau đó UBND Phường 5 giao cho Trường THCS Sao Mai (cũ) sử dụng để làm trường học.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc thu hồi đất theo cho Quyết định số 4832/QĐ-UBND là sai vị trí, kích thước, diện tích và chồng lấn lên đất người khác, nhưng không nói rõ chồng lấn với chủ sử dụng nào, là không có cơ sở.

Việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 4832/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

Từ các lý do nêu trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật nên UBND thành phố V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiệt (trước là Trường Trung học cơ sở Phường 5) thành phố V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; các đương sự còn lại chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S hủy các quyết định và văn bản bị khiếu kiện trong vụ án này là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Người bị kiện UBND thành phố V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND Phường 5, thành phố Vũng Tàu có văn bản xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiệt thành phố V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về việc tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:*

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ tụng Hành chính.

[1.2] Đối với kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với các Quyết định số 4832/QĐ-UBND, Quyết định số 1997/QĐ-UBND và Quyết định số 2631/QĐ-

UBND vẫn còn là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 14/12/2020, bà Hoàng Thị S nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 là còn trong thời hiệu theo khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Do các Quyết định 4832/QĐ-UBND, Quyết định 1997/QĐ-UBND, Quyết định 2631/QĐ-UBND, Văn bản 156/UBND-VP, Phần gia hạn Quyết định 5114/QĐ-UBND tại Điều 1 Quyết định 7736/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V, đều có liên quan đến Quyết định số 5114/QĐ-UBND nên được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét theo khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, là đúng.

[2] *Về tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:*

[2.1] Đối với Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;

[2.1a] Ngày 08/7/2005 Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2309/QĐ-UBND thu hồi 15.322,5m² đất tại đường Trần Phú, Phường 5, thành phố V để đầu tư xây dựng Trường Trung học cơ sở Phường 5, trong đó có đất và nhà của bà Hoàng Thị S. Căn cứ vào Quyết định số 2309/QĐ-UBND, ngày 16/9/2009 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4832/QĐ-UBND V/v thu hồi 121,5m² đất của bà S và giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố V để đầu tư xây dựng Trường Trung học cơ sở Phường 5, thành phố V.

[2.1b] Tuy nhiên, theo Quy hoạch chi tiết Núi lớn, Núi nhỏ được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 23/6/1999 thì vị trí xây dựng trường học tại số 61, trên thực địa tại khu vực số 544 Trần Phú (bao gồm nhà máy nước đá Tư Đồ và nghĩa địa giải tỏa kéo dài đến C34 Pháo binh, nằm gần UBND Phường 5. Trong khi đó, đất của bà S bị thu hồi thuộc vị trí số 47 (trên thực địa là số 184 Trần Phú), hai vị trí này cách xa nhau khoảng trên 5 km. Cũng theo quy hoạch chi tiết Núi lớn, Núi nhỏ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3371/QĐ-UBND thì vị trí nhà đất bà S là Quy hoạch Khu du lịch bãi Dâu mở rộng.

Tại Báo cáo số 1521/TTr-NV4 ngày 23/9/2013 kết quả thanh tra giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Phiệt (có nhà đất nằm trong diện tích 15.322,5m² thu hồi tại Quyết định số 2309/QĐ-UBND), Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có kết luận những sai phạm của dự án Trường Trung học cơ sở Phường 5, thành phố V; trong đó có kết luận trong tổng diện tích đất bị thu hồi 15.322,5m² không đúng vị trí quy hoạch làm trường học, mà quy hoạch là khu du lịch bãi Dâu (BL 151-159).

Trước đó, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Tỉnh, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có kết luận tại Báo cáo số 99/STNMT-TTr ngày 16/01/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường thể hiện: *Đối chiếu bản đồ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Núi Lớn-Núi Nhỏ thành phố Vũng Tàu đã được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3371-1999/QĐ-UB ngày 23/6/1999 thì vị trí đất của bà Phiệt bị thu hồi tại Quyết định 2309/QĐ-UBND ngày 08/7/2005 Chủ tịch UBND Tỉnh và Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 20/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu thuộc vị trí 47 thuộc quy hoạch khu Bãi Dâu mở rộng (còn khu trường học mở rộng nằm ở vị trí khác tại vị trí số 61).*

Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, Quyết định số 2309/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND tỉnh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành không căn cứ vào Quyết định 3371/1999/QĐ-UB ngày 23/6/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/2000 Núi lớn, Núi nhỏ thành phố V; Quyết định 4832/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V căn cứ vào Quyết định số 2309/QĐ-UBND, không căn cứ vào Quyết định 3377/QĐ-UBND ngày 26/9/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu v/v xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết thời kỳ 2006-2010 Phường 5, thành phố V, thu hồi đất của bà S là thuộc trường hợp thu hồi đất không căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất, vi phạm khoản 1 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, là đúng.

[2.1c] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định, việc thu hồi đất của bà S để xây dựng Trường Trung học cơ sở Phường 5 tại Quyết định 4832/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố V căn cứ vào Quyết định số 2309/QĐ-UBND đã vi phạm nguyên tắc sử dụng đất và vi phạm các hành vi nghiêm cấm của Luật Đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 11 và Điều 15 Luật Đất đai năm 2003, là có căn cứ.

[2.1d] *Về nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà và đất của bà Hoàng Thị S, Hồ sơ vụ án thể hiện:* Năm 1988, UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo giao cho UBND Phường 5 quản lý căn nhà có 10 phòng (nguồn gốc là của tư nhân, xây dựng làm phòng trọ trước năm 1975, Nhà nước quản lý nhưng không có Quyết định xác lập quyền sở hữu) không rõ khuôn viên đất cụ thể. Sau đó, đến ngày 30/8/1988 UBND Phường 5 giao cho Trường Tiểu học Sao Mai bố trí thêm phòng học cho học sinh (Trường Sao Mai nằm ở vị trí khác). Do học sinh ít nên Nhà trường bố trí cho các giáo viên của Trường làm nhà ở. Năm 1988, bà S được bố trí một phòng khoảng 70m² không có cửa, không công trình phụ. Sau khi về ở, bà S xây dựng, cải tạo lại và khai phá thêm diện tích xung quanh làm vườn và công trình phụ. Bà S có hộ khẩu thường trú ngày 19/12/1988, quá trình

sử dụng đất có đóng thuế, kê khai đăng ký theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trước khi ban hành Quyết định 4832/QĐ-UBND thu hồi đất, UBND thành phố V không ban hành Thông báo thu hồi đất là vi phạm khoản 2 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003.

Sau khi ban hành, Quyết định số 2309/QĐ-UBND và Quyết định số 4832/QĐ-UBND cũng không được công bố công khai và giao cho các đối tượng bị thu hồi đất được biết. Do vậy, đến ngày 16/7/2010, Chủ tịch UBND Phường 5 vẫn ký Văn bản số 112/UBND-ĐC đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hóa giá nhà cho các hộ dân, trong đó có bà S.

[2.1đ] Dự án xây dựng Trường trung học cơ sở Phường 5, theo Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 08/7/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thu hồi 15.322,5m² đất. Đến nay, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có 2 quyết định điều chỉnh giảm diện tích thu hồi đất, đó là: Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 26/9/2008 giảm 5.322,5m², Dự án còn 14.000m² và Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 giảm 643,4m², Dự án còn 14.679,1m², nhưng trong các quyết định thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với người bị thu hồi đất của UBND thành phố V và các văn bản trả lời đơn khiếu nại đối với người khiếu nại cũng như quyết định cưỡng chế để thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố V đều không căn cứ, đề cập đến các quyết định điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi và không thông báo cho những hộ dân trong dự án biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, là không quy định của pháp luật.

[2.1e] Quyết định số 4832/QĐ-UBND có kèm theo bản Trích lục bản đồ ngày 07/9/2009 thu hồi đất của bà S có chiều ngang nhà, đất là 3,8m; chiều dài các cạnh là 31,96m và 32m; diện tích đất 121,5m² (gọi tắt là *Trích lục bản đồ*). Trong khi đó, theo Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 09/5/2022 do Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Vũng Tàu lập (gọi tắt là *Sơ đồ vị trí*) thì hiện trạng nhà đất của bà S như sau:

Diện tích là 127,8m². Lồng ghép tọa độ tại bản Trích lục bản đồ với Sơ đồ vị trí thì không trùng khớp. Ranh giới thu hồi nhà, đất của bà S theo bản Trích lục bản đồ lệch với ranh giới nhà, đất của bà S theo thực địa. Cụ thể tại điểm 7 trượt sang điểm 6 là 0,71m; điểm 1 trượt sang điểm 8 là 0,91m; điểm 2 trượt sang điểm 3 là 0,80m; điểm 4 trượt sang điểm 5 là 0,60m. Xác định được diện tích thực tế lệch với diện tích theo Trích lục bản đồ là 27,4m² (lô A).

Căn cứ tọa độ tại bản Trích lục bản đồ để thực hiện cắm mốc trên thực địa thì ranh giới thu hồi nhà, đất của bà S chồng lấn lên nhà, đất người khác đang sử dụng (diện tích bị chồng lấn là lô C: 21,1m²).

Theo Văn bản số 2300/CNVPĐK-KTĐC ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Vũng Tàu thì diện tích đất bà S đang sử dụng thực tế là Lô A và Lô B, như vậy diện tích là $27,4\text{m}^2 + 100,4\text{m}^2 = 127,8\text{m}^2$; ranh theo Quyết định 4832 thì thuộc Lô B và Lô C, diện tích là $100,4\text{m}^2 + 21,1\text{m}^2 = 121,5\text{m}^2$.

Theo các tài liệu nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định, Quyết định số 4832/QĐ-UBND thu hồi đất không đúng vị trí, kích thước, diện tích nhà, đất bà S đang sử dụng; diện tích chồng lấn của người khác $21,1\text{m}^2$ (lô C); diện tích nhà, đất thu hồi thiếu $27,4\text{m}^2$ (lô A), là đúng.

[2.1g] Thêm nữa, về thẩm quyền thu hồi đất: Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 V/v thu hồi đất của bà S là không đúng thẩm quyền, vì theo quy định tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, thẩm quyền thu hồi đất thuộc Ủy ban nhân dân, cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất không được ủy quyền.

[2.1h] Từ những chứng cứ và nhận định như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận Quyết định số 4832/QĐ-UBND ban hành không có căn cứ pháp luật, cần phải hủy, là đúng.

[2.2] Do Quyết định số 4832/QĐ-UBND ban hành không có căn cứ pháp luật, cần phải hủy, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định 1997/QĐ-UBND, Quyết định 2631/QĐ-UBND, Văn bản số 156/UBND-VP và Phần gia hạn Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 tại Điều 1 Quyết định số 7736/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V cũng đều không có căn cứ để thực hiện, cần phải hủy, là đúng.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị S hủy các quyết định và văn bản nêu trên, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người bị kiện UBND thành phố V kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại phiên tòa phúc thẩm do không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Đương sự kháng cáo UBND thành phố V phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1- Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm: 52/2022/HC-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 15, khoản 1 và 2 Điều 39, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Điều 21 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị S hủy các quyết định và văn bản sau:

- Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 16/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi 121,5m² đất tại Phường 5, thành phố V do ông (bà) Hoàng Thị S đang sử dụng để đầu tư xây dựng công trình: Trường Trung học cơ sở Phường 5, thành phố V.

- Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 11/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V “V/v: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Hoàng Thị S, địa chỉ nơi thu hồi đất: 184 Trần Phú (phòng số 8), Phường 5-thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Trung học cơ sở Phường 5-TPVT”.

- Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V “V/v: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) cho hộ ông (bà) Hoàng Thị S, địa chỉ nơi thu hồi đất: Phường 5-thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Trung học cơ sở Phường 5-TPVT”.

- Văn bản số 156/UBND-VP ngày 14/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu V/v: trả lời đơn khiếu nại của công dân.

- Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Phần gia hạn Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 tại Điều 1 Quyết định số 7736/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc gia hạn thời gian cưỡng chế thu hồi đất.

1.2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Hoàng Thị S không phải nộp.

Người bị kiện UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V, mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

2- Về án phí hành chính phúc thẩm:

Đương sự kháng cáo UBND thành phố V phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000334 ngày 12/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; UBND thành phố V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 06 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VT(6) HS(1) PTHH

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh